

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG
Bản án số: 87/2025/HS-ST
Ngày: 30/12/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Nguyễn Trọng Bộ.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2025/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HS ngày 16/12/2025, đối với bị cáo **Nguyễn Phú T**, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2007, CCCD số 030207013169. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H từ ngày 02/10/2025 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 14/6/1966. CCCD số 030166002404 và ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966, CCCD số: 030066010571. Đều cư trú: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng. Bà H và ông P có mặt.

* **Người có quyền lợi liên quan:** Anh Tự Bá Quang T1, sinh ngày 24/9/2001, CCCD số: 030201001445. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thành phố Hải Phòng. Xin vắng mặt.

* **Người làm chứng:** Nguyễn Văn S, Nguyễn Đăng N, Nguyễn Xương K, Vũ Duy T2 và Nguyễn Minh B. (đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 10/08/2025, Nguyễn Phú T ở nhà cùng với bố, mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T thấy ông P ra sân trước cửa nhà khóa bánh xe máy loại Wave RSX, biển số 34D1-203.46 (là tài sản chung của ông P và bà H). Sau đó, ông P và bà H đi ngủ ở tầng 1, T cũng lên tầng 2 đi ngủ. Khoảng 00 giờ ngày 11/08/2025, T đi xuống tầng một, mở cửa đi ra sân mục đích trộm cắp chiếc xe máy trên đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lúc này, T quan sát thấy bánh trước xe máy biển số 34D1-203.46 được khóa bằng khóa dây, bánh sau xe máy được khóa bằng dây xích. Thấy vậy, T đi vào phòng khách lấy chiếc đèn pin của ông P, rồi đi xuống nhà ngang lấy chiếc kim kim loại do Trọng mượn của người cùng xóm từ tối hôm trước để sửa đồ nhưng chưa trả đem ra vị trí dựng xe máy. T bật đèn pin chiếu sáng rồi dùng kim cắt đứt khóa dây ở bánh trước và lấy đầu kim cạy phá mất xích, tháo dây xích ra khỏi bánh sau xe. Sau đó, T đi ra cổng thấy cổng đã được bà H khóa trước khi đi ngủ nhưng khuy chốt cổng bị lỏng nên T dùng tay tự tháo chốt, sau đó dắt chiếc xe máy trên đem theo giấy đăng ký của xe do T lấy trộm trong tủ từ hôm trước đi đến quán I, địa chỉ: Đường T, phường K, thành phố Hải Phòng (chìa khóa xe ông P giữ nên T không lấy trộm được). T dựng xe trước cửa quán rồi vào trong quán C. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T nói với bạn là Nguyễn Đăng N, sinh năm 2009, trú tại: Tổ dân phố T, phường K, thành phố Hải Phòng đang chơi điện tử tại quán là T có chiếc xe máy được chị gái cho, T nhờ Nguyễn tìm chỗ cầm xe hộ T. Lúc này, Nguyễn G điện thoại qua ứng dụng Messenger cho anh T3 Bá Quang T1, sinh năm 2001, trú tại: Tổ dân phố A, phường P, thành phố Hải Phòng hỏi anh T1 có nhận cầm cố xe máy không thì anh T1 bảo đem xe đến để anh T1 xem xe rồi thỏa thuận. T nhờ Nguyễn dẫn đi cầm xe nhưng Nguyễn bảo bạn chưa đi được. Sáng ngày 12/8/2025, N đến quán I chơi thì T đang ở đây, T nhờ Nguyễn dẫn đi cầm xe và T rủ thêm hai người bạn là Vũ Duy T2, sinh năm 2007, trú tại tổ dân phố N, phường N và Nguyễn Xương K, sinh năm 2009, trú tại tổ dân phố P, phường K đang chơi ở quán đi cùng. T bảo nhóm bạn là chìa khóa xe máy T làm rơi mất, nhờ T2 dắt xe máy biển số 34D1-203.46 dựng ở cửa quán ra ngoài rồi nhờ N điều khiển xe máy điện của N đi phía sau dùng chân đẩy xe máy biển số 34D1-203.46 do T2 ngồi trên yên điều khiển, T điều khiển xe máy điện mượn của bạn, K điều khiển xe máy điện của T2 cùng nhau đi đến nhà anh T1. T bảo với anh T1 là xe máy của T được chị gái cho, T và anh T1 thỏa thuận anh T1 cầm chiếc xe máy trên trong thời gian 02 tuần với giá tiền 2.000.000 đồng, cắt lãi trước 150.000 đồng. Anh T1 hướng dẫn T viết giấy mua bán xe, sau đó, vợ anh T1 là chị Ngô Thị Minh H1, sinh năm 2002 chuyển số tiền 1.850.000 đồng cho T vào số tài khoản của bạn T là Nguyễn Minh B, sinh ngày 20/12/2008, trú tại tổ dân phố số F, phường N, thành phố Hải Phòng (do lúc này T không vào được tài khoản ngân hàng của T). Sau khi cầm xe xong, T và nhóm bạn đi về nhà T2, một lúc sau thì B đến nhà T2 chơi. Tại đây, T bảo B chuyển vào tài khoản cho T số tiền 1.180.000 đồng, 50.000 đồng Bách chuyển khoản cho Nguyễn đi mua bánh mỳ cho cả nhóm ăn. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng

ngày, T cùng T2, N, K và B đi đến quán I chơi điện tử. T chơi điện tử hết số tiền 1.180.000 đồng, B chơi điện tử hết số tiền 620.000 đồng. Sáng ngày 13/8/2025, T bảo B chuyển trả T số tiền 620.000 đồng, B bảo đã tiêu hết nên T cho B số tiền trên.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hải Phòng ngày 11/9/2025 kết luận: Chiếc xe máy loại Wave RSX, biển số 34D1-203.46 trị giá 7.191.000 đồng.

Cáo trạng số 32/CT-VKSKV10 ngày 28/11/2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng truy tố Nguyễn Phú T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xác định Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Bị hại, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn P xác nhận đã nhận lại chiếc xe máy nguyên vẹn và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Tụ Bá Quang T1 xin vắng mặt tại phiên tòa và xác định đã nhận lại đủ số tiền cầm xe máy là 1.850.000 đồng và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú Trọng phạm T4 “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 02/10/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Không phải giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra,

truy tố và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi liên quan là anh TỰ BÁ QUANG T1 xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt anh T1 và những người làm chứng.

[3] Về hành vi của bị cáo và các chứng cứ xác định tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan và người làm chứng tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 00 giờ ngày 11/8/2025, tại nhà ở của vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H, là bố mẹ đẻ bị cáo T ở tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng, lợi dụng đêm tối, Nguyễn Phú T đã lén lút chiếm đoạt của vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H chiếc xe máy loại Wave RSX, biển số 34D1-203.46 trị giá 7.191.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật cấm nhưng vì ham chơi, lười lao động, muốn có tiền tiêu sài cá nhân và coi thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã xâm phạm chế độ sở hữu về tài sản của công dân được Pháp luật bảo vệ và luật hình nghiêm cấm.

Cáo trạng số 32/CT-VKSKV10 ngày 28/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa, đã truy tố bị cáo Nguyễn Phú T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe máy loại Wave RSX, biển số 34D1-203.46 trị giá 7.191.000 đồng của chính bố mẹ bị cáo. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt:

Về hình phạt chính: Do bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận nhân dân, vì vậy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của Pháp luật và đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm tương tự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền sung ngân sách Nhà nước, xét hoàn cảnh bị cáo hiện không có tài sản riêng, không có việc làm và không có thu nhập nên không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại nguyên vẹn tài sản bị mất; người có quyền lợi liên quan đã nhận lại đủ tiền bồi thường. Bị hại và người có quyền lợi liên quan đều không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Chiếc kim kim loại bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, sau đó bị cáo đã vứt đi, đến nay không thu giữ được. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H quản lý chiếc xe máy biển số 34D1-203.46 cùng Giấy đăng ký xe, 01 đèn pin; 01 khóa dây và 01 đoạn dây xích có gắn 01 khóa V có một mắt xích bị cạy hở đầu kim loại, sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã trả những tài sản này cho chủ sở hữu là phù hợp, nên không phải giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

*** Trong vụ án này:** Đối với anh Tự Bá Quang T1 khi nhận cầm chiếc xe máy biển số 34D1-203.46; các anh Nguyễn Đăng N, Vũ Duy T2 và Nguyễn Minh B khi giúp T đem chiếc xe máy trên đi cầm cố; nhận tiền chuyển khoản cầm cố xe, đều không biết chiếc xe và tiền là do Trọng phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H không đặt ra việc xử lý, là phù hợp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1/ *Về tội danh:* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phú Trọng phạm T4 “Trộm cắp tài sản”.

2/ *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 02/10/2025.

3/ *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Phú T phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

4/ *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND KV 10, TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS, Công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ - Công an thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải phòng;
- Lưu: Hồ sơ THAHS; Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung